

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-PT
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v: Tranh chấp lỗi đi chung và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 và 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp lỗi đi chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1764/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2023/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y Ki K, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 255 N, Phường 2, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 7/5 Ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Minh Tr, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 1/4D Bà Triệu, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H:

Người đại diện ủy quyền: ông Lê Ưu T – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (Theo Giấy ủy quyền số 1800/UBND ngày 05/5/2022).

Địa chỉ: Số 01 Lý Nam Đế, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ có người đại diện theo ủy quyền là Y Ki K trình bày:

Bà Đ có căn nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 108,6 m² thuộc thửa 363, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại số 7/5A Ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445053, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00741 ngày 26/10/2012.

Theo Bản vẽ hiện trạng thể hiện lộ giới lối đi chung có chiều ngang 2m và chiều dài 25m từ nhà Bà Đ ra đường Tô Ký, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L (mẹ Bà Đ, ông T) đã làm cam kết để lại lối đi chung chiều ngang 2m, chiều dài 25m từ đường Tô Ký xuống nhà Bà Đ. Tuy nhiên, hiện nay ông T xây dựng nhà và công trình phụ trên thửa đất số 361, tờ bản đồ số 2 lấn chiếm lối đi chung, diện tích ông T lấn chiếm chiều ngang là 1.1m và chiều dài 25m, chỉ để lại lối đi chung có chiều rộng là 90cm và chiều dài 25m. Việc ông T xây dựng công trình nhà, sân nước, hồ ga, thêm tam cấp và lợp mái hiên lấn chiếm lối đi chung gây cản trở, khó khăn cho việc đi lại của gia đình Bà Đ. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lối đi chung từ nhà số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ra đến đường Tô Ký và trả lại lối đi chung bị lấn chiếm có chiều ngang 1,1m x chiều dài 25m = 27,5 m².

Tại các bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Văn T là bị đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Tạ Minh Trình trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện H cấp không ghi nhận diện tích lối đi là của Bà Đ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445053, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00741, thửa đất số 363, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Đ, để chỉnh lý phân đất được cấp làm lộ giới lối

đi chung trái pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H xác định lộ giới lối đi chung là 2 mét đã được ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đồng ý và ký tên theo giấy ưng thuận ngày 28/11/2011, theo bản vẽ nhà ở, đất ở số 81214CN-HM ngày 03/11/2010, của Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh Hóc Môn là cơ sở để Phòng Tài nguyên và Môi trường đề xuất lộ giới lối đi chung tối thiểu để trình Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Đ tại địa chỉ số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H và Giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị L tại địa chỉ 7/5 ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, lối đi chung này chưa được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt lộ giới. Đồng thời, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1764/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 34, khoản 2 Điều 37, Điều 97, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ khoản 9, Điều 26, khoản 3, Điều 34, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 37, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lối đi chung, trả lại phần diện tích lối đi chung bị lấn chiếm chiều ngang 1,1m chiều dài 31m từ nhà Bà Đ số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H ra thẳng đường Tô Ký, có phần diện tích đất 25,4m² và diện tích nhà 22,8m² không được công nhận, theo bản vẽ nhà ở và đất ở của Trung tâm Đo đạc Bản đồ Chi nhánh Hóc Môn số hợp đồng đo đạc số 81214/CNHM ngày 03/11/2010.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khắc gắn liền với đất số BL 445053, số vào sổ cấp GCN: CH00741, ngày 26/10/2012, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo một phần bản án đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị HĐXX sửa một phần bản án, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị Đ về phần nội dung “Lối đi chung: 2m tính từ mép)

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Lối đi thể hiện có đi từ năm 1990 do Bà Đ được tặng nhà tình nghĩa để đi ra đường Tô Ký, khi Bà Đ và bà L cấp GCN cũng thể hiện 2m lối đi chung, lối đi không được cấp cho ai. Không ai khiếu nại về việc cấp GCN, khi Bà Đ sửa chữa lại nhà nhưng do đường đi không có, không chở được vật liệu xây dựng, lối đi giờ chỉ còn 80cm nên Bà Đ yêu cầu ông T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lối đi chung để Bà Đ sử dụng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Khu đất nguồn gốc của bà L để lại trước năm 1975, kích thước 5x40, năm 1990 khi Bà Đ được cấp nhà tình thương thì bà L đồng ý cho Bà Đ 1m đường đi, khi đó nhà bà L còn 4m. Đến năm 2012 khi làm thủ tục hợp thức hóa thì phòng tài nguyên đề xuất cấp lộ giới cho Bà Đ 2m nữa mới duyệt bản vẽ. Năm 2019 đường Tô Ký mở rộng thì bà L xin sửa chữa mới phát hiện trong sổ GCN của bà bị cắt 1m trên giấy tờ, nhưng hiện tại lộ giới chưa được quy hoạch. Việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H đề xuất lộ giới 2 mét cho Bà Đ là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL445053, số vào sổ cấp GCN: CH00741 ngày 26/10/2012, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị Đ để chỉnh lý lại lộ giới lối đi chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo khoản 3 Điều 26; Điều 34, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lối đi chung, trả lại phần diện tích lối đi chung bị lấn chiếm chiều ngang 1,1 mét chiều dài 30 mét từ nhà Bà Đ số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H ra thẳng đường Tô Ký:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH00694, ngày 12/10/2012 của bà Nguyễn Thị L thể hiện có lộ giới lối đi chung chiều ngang 2 mét dài khoảng 31 mét, từ đường Tô Ký đến nhà Bà Đ. bà L không có ý kiến khiếu nại gì về việc cấp GCN này. Điều này thể hiện ý chí bà L, ông T đã đồng thuận chừa lối đi chung ngang 2 mét dài 31 mét là phù hợp với đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H trừ lối đi chung lộ giới 2 mét giữa nhà bà L và nhà Bà Đ. Lối đi này được hai bên sử dụng từ năm 1990 đến năm 2019 thì mới phát sinh tranh chấp.

Theo kết quả xem xét tài sản tại chỗ ngày 27/05/2020 thể hiện phần diện tích lối đi chung tranh chấp là hẻm chiều rộng hiện tại khoảng 1 mét, bên phải hẻm là tường gạch đã tháo dỡ một phần, nền bê tông một phần và nền đất một phần, chiều dài từ nhà Bà Đ ra đến đường Tô Ký khoảng 30 mét. Hẻm có chiều rộng không đồng đều, ngoài mặt tiền đường là 1,5m, phía trong còn 0,8m, có đoạn 1,1m, ngay trước nhà Bà Đ chiều rộng hơn 1,1m, thì hiện trạng này các bên đã sử dụng lâu dài từ trước khi được cấp giấy chứng nhận. Điều này thể hiện bị đơn không xây dựng lấn chiếm lối đi chung như nguyên đơn đã trình bày.

Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng: 106418/TTĐĐBĐ-CN HCM (CS1) ngày 22/6/2022 của Trung Tâm đo đạc bản đồ thể hiện lối đi chung được ghi là số (8) + số (9). Riêng, phần đánh gạch chéo trên bản vẽ và trên giấy chứng nhận cấp cho bà L có phần diện tích đất 25,4m² và diện tích nhà 22,8m² không được công nhận là phần diện tích nằm trong phần nhà cũ của bà L, thể hiện là sân được ghi là số (10) + số (11). Sau khi ông T xây dựng phần nhà mới phía sau theo đúng ranh lộ giới, ông tháo dỡ một phần tường nhà cũ ra nên để lộ sàn nước, hồ ga, thêm tam cấp và các đường cấp thoát nước...đây là những cơ sở hạ tầng nằm trong phần nhà cũ của bà L. Do đó, không có cơ sở xác định bị đơn xây dựng công trình lấn chiếm lối đi chung gây cản trở, khó khăn cho việc đi lại của gia đình và Bà Đ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn, buộc bị đơn tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lộ giới lối đi chung, trả lại phần diện tích lối đi chung bị lấn chiếm chiều ngang 1,1m chiều dài 31m từ nhà Bà Đ số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H ra thẳng đường Tô Ký là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, đề xuất lối đi chung nêu trên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H chưa được phê duyệt. Tại công văn số 2340/QLĐT-QH ngày 25/8/2022, của Phòng Quản lý đô thị huyện H xác định: “Lối đi chung liên quan đến các thửa đất 363, 361 tờ bản đồ số 2, xã Trung Ch huyện H...chưa được Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt quản lý lộ giới”. Do đó, các bên vẫn được sử dụng theo hiện trạng, khi nào Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quản lý lộ giới,

để thực hiện quy hoạch chỉnh trang đô thị chung, thì sẽ có phương án thẩm định phê duyệt và công bố lộ giới hẻm đúng theo quy định, thì các bên phải có nghĩa vụ chấp hành đúng theo quy định của nhà nước.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bà Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445053, số vào sổ cấp GCN: CH00741 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị Đ.

Xét, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00694, ngày 12/10/2012 cấp cho bà Nguyễn Thị L, thể hiện diện tích đất bị gạch chéo là 25,4m² và diện tích nhà bị gạch chéo là 22,8m² không phù hợp quy hoạch không được công nhận, phù hợp với phần diện tích lối đi chung các bên đã ký giấy ưng thuận vào ngày 28/11/2011, theo bản vẽ nhà ở và đất ở của Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh Hóc Môn số 81214/CN-HM ngày 03/11/2010, trên cơ sở đề xuất lộ giới lối đi chung 2 mét của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, và đã được kiểm tra nội nghiệp ngày 01/3/2011. Đồng thời, từ khi bà L được cấp Giấy chứng nhận và ông T xin phép xây dựng nhà đều thực hiện theo ranh lộ giới lối đi chung và bà L với ông T không có đơn khiếu nại gì về lộ giới lối đi chung 2 mét nêu trên. Thực tế, ông T đã xây dựng mới phần nhà phía sau theo đúng giấy phép xây dựng đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 09/10/2019 số 272/XNĐCGP, đúng ranh lộ giới 2 mét do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H đề xuất là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2; và khoản 3 Điều 4 Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm.

Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí, ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 34, khoản 2 Điều 37, Điều 97, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ khoản 9, Điều 26, khoản 3, Điều 34, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 37, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên lối đi chung, trả lại phần diện tích lối đi chung bị lấn chiếm chiều ngang 1,1m chiều dài 31m từ nhà Bà Đ số 7/5A ấp Mới 2, xã Trung Ch, huyện H ra thẳng đường Tô Ký, có phần diện tích đất 25,4m² và diện tích nhà 22,8m² không được công nhận, theo bản vẽ nhà ở và đất ở của Trung tâm Đo đạc Bản đồ Chi nhánh Hóc Môn số hợp đồng đo đạc số 81214/CNHM ngày 03/11/2010.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445053, số vào sổ cấp GCN: CH00741, ngày 26/10/2012, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị Đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đ được miễn án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí 500.000 (năm trăm ngàn) đồng cho Bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0074445 ngày 11/02/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0074619 ngày 15/3/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003262 ngày 20/10/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đường sự
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên